

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/DS-ST

Ngày 27 tháng 9 năm 2019

V/V: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Nhất.

2. Ông Nguyễn Văn Bảng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Hà Thị Ngọc, sinh năm 1967, địa chỉ: Số 64, phố Quang Trung, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt)

* Bị đơn: Bà Đào Thị Nhung, sinh năm 1968, địa chỉ: Số 98, đường Hoàng Hoa Thám, phường Đa Mai, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt)

* Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Hằng, sinh năm 1963, địa chỉ: Số 269, đường Nguyễn Hồng, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bà Đào Thị Lanh, sinh năm 1960, địa chỉ: Số 97B, đường Nguyễn Cao, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 23/7/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Hà Thị Ngọc trình bày:

Qua bà Nguyễn Thị Hằng giới thiệu, bà biết bà Đào Thị Nhung. Ngày 21/9/2016, bà cho bà Nhung vay số tiền 20.000.000 đồng. Do bà Nhung không có gì thế chấp nên bà yêu cầu bà Nhung viết trong “Giấy nhận tiền” là để xin việc cho con trai bà. Khi vay, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tiền lãi trả vào ngày 21 hàng tháng, thời hạn vay không xác định, khi nào cần thì bà thông báo để bà Nhung trả. bà Nguyễn Thị Hằng có ký ở mục “Người làm chứng” trong giấy nhận tiền.

Ngày 21/10/2016, đến hạn thanh toán tiền lãi, bà sang nhà bà Nhung để lấy tiền lãi nhưng bà Nhung không có nhà. Kể từ đó, bà liên tục sang đòi tiền nhưng chị Nhung liên tục trốn tránh, khất lần, mới thanh toán được tổng số tiền lãi là 600.000 đồng. Số tiền lãi này thanh toán làm nhiều lần, mỗi lần 200.000 đồng, bà không nhớ cụ thể từng ngày trả lãi.

Tiền bà cho bà Nhung vay là tài sản riêng của bà, không liên quan gì đến chồng và các thành viên khác. Bà giao tiền cho cá nhân bà Nhung, bà Nhung nói là đưa chồng đi cấp cứu còn bà Nhung sử dụng vào việc gì thì bà không biết. Bà chỉ yêu cầu cá nhân bà Nhung phải trả nợ, không yêu cầu ai khác.

Nay, bà yêu cầu bà Nhung phải trả số tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền trên kể từ ngày vay theo lãi suất 20%/ 1 năm, tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại Bản khai ngày 9/8/2019 và quá trình tố tụng tại tòa án, bị đơn là bà Đào Thị Nhung trình bày:

Ngày 21/9/2016, bà có vay bà Hà Thị Ngọc số tiền 20.000.000 đồng để chữa bệnh cho chồng. Khi vay, hai bên có viết “Giấy nhận tiền”, nội dung thể hiện bà nhận của bà Ngọc số tiền 20.000.000 đồng để xin việc cho con trai bà Ngọc. Bà Ngọc yêu cầu viết như vậy để nếu bà Nhung không trả nợ, bà Ngọc có căn cứ làm đơn ra Cơ quan công an xử lý bà về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thực tế, bà chỉ nhận của bà Ngọc 16.000.000 đồng, còn bà Ngọc cất lại 4.000.000 đồng tiền lãi. Hai bên thỏa thuận miệng là trong 40 ngày, mỗi ngày bà phải trả bà Ngọc 500.000 đồng (còn gọi là đóng họ).

Bà đã trả cho bà Ngọc 30 ngày x 500.000 đồng = 15.000.000 đồng. Do cần tiền, bà có đáo hạn khoảng vài lần, mỗi lần đáo hạn, bà Ngọc lại cất tiếp 4.000.000 đồng tiền lãi. Bà không nhớ cụ thể đã vay tiếp bao nhiêu lần, chỉ nhớ lần vay cuối là vào ngày 3/12/2016, sau khi cất lãi 4.000.000 đồng, cất tiền họ còn thiếu, bà

Ngọc chỉ giao cho bà số tiền là 11.000.000 đồng, yêu cầu bà trong vòng 40 ngày, mỗi ngày phải đóng cho bà Ngọc số tiền 500.000 đồng. Sau đó, bà đã đóng cho bà Ngọc liên tục trong 10 ngày, mỗi ngày 500.000 đồng. Vì gặp khó khăn về kinh tế, bà không thể trả tiếp cho bà Ngọc. Do bà Ngọc đòi quá gay gắt, bà có nhờ chị gái bà là bà Đào Thị Lan đưa cho bà Ngọc 2.000.000 đồng. Sau đó, bà còn trả cho bà Ngọc thêm vài lần nữa, mỗi lần từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng nhưng không nhớ trả ngày nào. Bà xác định khoản vay ngày 21/9/2016 bà đã thanh toán xong, bà chỉ còn nợ bà Ngọc khoản vay ngày 3/12/2016. Đối với khoản vay ngày 3/12/2016, bà đã trả được khoảng 8.400.000 đồng nên chỉ chấp nhận trả bà Ngọc số tiền 11.600.000 đồng (đã bao gồm cả gốc và lãi), không đồng ý trả thêm đồng nào.

Tại đơn trình bày đề ngày 01/9/2019, ông Trần Đức Mai - chồng bà Ngọc xác nhận số tiền 20.000.000 đồng bà Ngọc cho bà Nhung vay ngày 21/9/2016 là tài sản riêng của bà Ngọc, ông không liên quan gì, không có yêu cầu gì, đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng.

Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ theo yêu cầu của các đương sự.

Tại Biên bản làm việc ngày 6/9/2019, bà Đào Thị Lan trình bày: Do cần tiền, bà Nhung có bóc hộ ở chỗ bà Hà Thị Ngọc qua sự giới thiệu của bà Nguyễn Thị Hằng. Bà Nhung vay của bà Ngọc bao nhiêu, vay khi nào, còn nợ bao nhiêu thì bà không được biết. Bà xác định có đưa hộ bà Nhung 2.000.000 đồng cho bà Ngọc để trả lãi. Bà đưa trực tiếp cho bà Ngọc, không có biên nhận gì và bà cũng không nhớ ngày trả. Số tiền 2.000.000 đồng trên là của bà Nhung, bà không có yêu cầu hay đề nghị gì.

Tại Biên bản làm việc ngày 6/9/2019, bà Nguyễn Thị Hằng cung cấp: Bà Nhung và bà Ngọc không quen biết nhau từ trước. Do bà Nhung nói cần tiền chữa bệnh cho chồng nên bà đã giới thiệu bà Nhung vay tiền của bà Ngọc, bà không nhớ thời điểm vay tiền. Bà chỉ đưa bà Nhung đến nhà bà Ngọc vay tiền duy nhất 1 lần, vay dưới hình thức bóc hộ, bóc hộ là 20.000.000 đồng. Bà Ngọc cắt lại 4.000.000 đồng tiền lãi, giao cho bà Nhung 16.000.000 đồng. Bà Ngọc và bà Nhung thỏa thuận trong vòng 40 ngày, mỗi ngày bà Nhung phải trả bà Ngọc 500.000 đồng. Bà có nghe bà Nhung nói lại là đáo hạn và bóc hộ chỗ bà Ngọc thêm một vài lần nữa nhưng cụ thể thế nào thì bà không biết, không chứng kiến. Bà không biết bà Nhung đã trả bà Ngọc bao nhiêu tiền, còn nợ bao nhiêu tiền.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng bà Nhung vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà Ngọc trình bày: bà xác định ngày 21/9/2016, khi cho bà Nhung vay 20.000.000 đồng, bà có cắt lại 4.000.000 đồng để trừ vào tiền lãi, chỉ giao cho bà Nhung 16.000.000 đồng. Ban đầu, hai bên thống nhất mỗi ngày bà Nhung phải trả góp 500.000 đồng trong vòng 40 ngày. Nhưng sau đó, do bà Nhung không trả được nợ thì thống nhất lại tiền lãi là 2000 đồng/1 triệu/1 ngày. Nay, bà yêu cầu cá nhân bà Nhung phải trả bà 16.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi của số tiền này từ ngày 21/9/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước (9%/1 năm, 0,75%/1 tháng, 0,025%/1 ngày). Từ ngày vay đến ngày xét xử là 03 năm 06 ngày, số tiền lãi bà Nhung phải trả bà là 4.320.000 đồng. Bà chấp nhận trừ cho bà Nhung số tiền lãi đã trả là 2.600.000 đồng, buộc bà Nhung phải trả bà 1.720.000 đồng tiền lãi.

Bà Nhung trình bày: Khoản vay ngày 21/9/2016 bà đã thanh toán xong. Bà chỉ đồng ý trả bà Ngọc 11.600.000 đồng theo khoản vay ngày 03/12/2016. Bà xác định khi vay bà Ngọc, bà có nói lấy tiền đi chữa bệnh cho chồng nhưng thực tế là để trang trải nợ cá nhân, không liên quan gì đến chồng và các thành viên khác trong gia đình. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự (vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp, phiên hòa giải không lý do).

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngọc, buộc bà Nhung trả bà Ngọc tổng số tiền 17.720.000 đồng, trong đó gồm 16.000.000 đồng tiền gốc và 1.720.000 đồng tiền lãi. Bà Nhung phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả bà Ngọc số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa bà Hà Thị Ngọc và bà Đào Thị Nhung là tranh chấp dân sự giữa cá nhân với cá nhân về “Hợp đồng vay tài sản”. Các bên không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp nên bà Ngọc làm đơn khởi kiện tại Tòa án. Các đương sự đều sinh sống trên địa bàn thành phố Bắc Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về yêu cầu buộc bà Nhung trả số tiền gốc 16.000.000 đồng:

[2.1.1] Căn cứ lời khai của bà Ngọc, bà Nhung và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: “Giấy nhận tiền” ngày 21/9/2016 bà Ngọc nộp cho Tòa án là do bà Nhung tự viết và ký tên, điểm chỉ. Trong giấy nhận tiền thể hiện bà Nhung đã nhận 20.000.000 đồng của bà Ngọc để xin việc cho con bà Ngọc nhưng thực tế là tiền vay bà Ngọc và bà Ngọc chỉ giao cho bà Nhung 16.000.000 đồng. Như vậy, việc bà Nhung vay của bà Ngọc 16.000.000 đồng tiền gốc vào ngày 21/9/2016 là có thật.

Bà Nhung khai khoản vay ngày 21/9/2016 đã tất toán, hiện chỉ còn nợ bà Ngọc 11.600.000 đồng theo khoản vay ngày 3/12/2016 nhưng ngoài lời khai không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Bà Ngọc khai ngoài khoản vay ngày 21/9/2016, bà không cho bà Nhung vay thêm khoản tiền nào khác và bà Nhung chưa trả đồng tiền gốc nào. Do đó, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà Nhung. Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005, cần buộc bà Nhung phải trả cho bà Ngọc số tiền gốc 16.000.000 đồng.

[2.1] Về yêu cầu buộc bà Nhung trả số tiền lãi 1.720.000 đồng:

Bà Ngọc và bà Nhung đều xác nhận hai bên có thỏa thuận về lãi. Tuy nhiên, lời khai của các bên về lãi suất có mâu thuẫn, không rõ ràng. Nay, bà Ngọc yêu cầu bà Nhung phải trả tiền lãi của số tiền gốc 16.000.000 đồng theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là phù hợp với quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên cần được chấp nhận.

Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010, có hiệu lực từ ngày 01/12/2010, lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm tương đương 0,75%/tháng và 0,025%/ngày. Từ ngày vay (21/9/2016) đến ngày xét xử sơ thẩm (27/9/2019) là 03 năm 06 ngày nên số tiền lãi bà Nhung phải trả bà Ngọc là:

$16.000.000 \text{ đồng} \times 9\% \times 03 \text{ năm} + 16.000.000 \text{ đồng} \times 0,025\% \times 6 \text{ ngày} = 4.320.000 \text{ đồng}.$

Bà Ngọc xác nhận bà Nhung đã trả 2.000.000 đồng tiền lãi (do bà Lanh đưa hộ) và trả 600.000 đồng (đưa trực tiếp). Do đó, bà Nhung còn phải trả bà Ngọc số tiền lãi là: $4.320.000 \text{ đồng} - 2.600.000 \text{ đồng} = 1.720.000 \text{ đồng}.$

[3] Về án phí: Yêu cầu của bà Ngọc được chấp nhận nên bị đơn là bà Nhung phải chịu án phí theo dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; cần hoàn trả bà Ngọc số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Buộc bà Đào Thị Nhung phải trả bà Hà Thị Ngọc 17.720.000 đồng (Mười bảy triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó gồm 16.000.000 đồng tiền gốc và 1.720.000 đồng tiền lãi.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Đào Thị Nhung phải chịu 886.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Hà Thị Ngọc số tiền tạm ứng án phí 655.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000510 ngày 23/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Bắc Giang;
- CCTHADS TP. Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương Giang